



xíng fá

刑罚

noun · penalty; punishment

Example Sentences

tā yīn fàn zuì shòu dào le yán lì de xíng fá
他因犯罪受到了严厉的刑罚。

He received severe punishment for
committing a crime.

fǎ lǜ guī dìng le gè zhǒng xíng fá
法律规定了各种刑罚。

The law stipulates various penalties.

Trace each character, then write the word on your own.

刑	刑	刑	刑	刑	刑	刑	刑	刑		
罚	罚	罚	罚	罚	罚	罚	罚	罚	罚	罚
罚										